TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Hành trạng Lục Tổ khai sáng và kế thế Tổ Đình Sắc Tứ Thiên Ấn - Quảng Ngãi

ISSN: 2734-9195 09:30 03/05/2026

Khi bước vào khu viên mộ tĩnh lặng dưới bóng cây cổ thụ trên đỉnh Ấn Sơn, chiêm bái sáu ngôi bảo tháp rêu phong của Lục Tổ, chúng ta không chỉ đang cúi đầu trước những bậc danh tăng thạc đức, mà còn đang chạm vào linh hồn lịch sử của cả một vùng đất.

Tác giả: **Đại đức TS Thích Đồng Hạnh**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 05/2026

1. Ấn Sơn Thạch Cốc và chốn Tổ linh thiêng miền Trung

Nằm tĩnh lặng trên đỉnh núi Hó (cao khoảng 100m so với mực nước biển), tả ngạn sông Trà Khúc, Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn từ lâu đã được xem là "đệ nhất danh thắng" và là trung tâm tín ngưỡng, tâm linh bậc nhất của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và dải đất miền Trung nói chung.

Khung cảnh "Ấn mộc triều giang " (núi hình quả Ấn soi bóng xuống dòng sông Trà) không chỉ là kỳ quan thiên nhiên mà còn là bức phong nền kỳ vĩ cho một bề dày lịch sử Phật giáo trải dài hơn 3 thế kỷ.



Tổ đình Sắc Tứ Thiên Ấn, Quảng Ngãi - Ảnh: Sưu tầm

Kể từ khi được khai sơn vào cuối thế kỷ 17 (khoảng năm 1694) (1), Tổ đình Thiên Ấn đã trải qua vô vàn biến thiên thời cuộc, từ thời kỳ hưng thịnh dưới triều các chúa Nguyễn, vua Nguyễn cho đến những năm tháng khói lửa chiến tranh bùng nổ trong thế kỷ 20. Để giữ vững được đạo mạch "truyền đăng tục diệm", chốn Tổ này đã được dẫn dắt bởi những bậc danh tăng thạc đức. Trong đó, sáu vị Tổ sư đầu tiên, được sơn môn tôn xưng là Lục Tổ Thiên Ấn, chính là những viên gạch nền móng vững chắc nhất, kiến tạo nên quy củ thiền gia và để lại những di sản vật thể lẫn phi vật thể vô giá cho hậu thế.

2. Sự chuyển giao vi diệu: Từ Lâm Tế Gia Phổ đến Lâm Tế Chúc Thánh

Một trong những điểm đặc biệt nhất trong lịch sử truyền thừa của Tổ đình Thiên Ấn chính là sự chuyển giao thiền phái một cách tự nhiên, phản ánh tinh thần lục hòa và sự gắn kết chặt chẽ của Phật giáo Đàng Trong.

Ban đầu, Đệ Nhất Tổ Pháp Hóa khai sơn Thiên Ấn vốn thuộc đời thứ 35 của thiền phái Lâm Tế dòng Đạo Mân (còn gọi là Lâm Tế Gia Phổ, phổ biến ở khu vực Phú Yên, Khánh Hòa). Dòng truyền này sử dụng bài kệ pháp danh: "Tổ Đạo Giới Kiên Đồng/ Minh Châu Giác Hải Dung..." (Tổ Pháp Hóa mang chữ Minh).

Tuy nhiên, từ Đệ Nhị Tổ Khánh Vân trở đi, dòng chảy truyền thừa tại Thiên Ấn chính thức hòa nhập vào thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh (khai sơn tại Hội An

bởi Tổ Minh Hải Pháp Bảo - sư phụ của Tổ Khánh Vân). Bài kệ truyền pháp danh nổi tiếng của dòng Chúc Thánh gồm 32 chữ đã trở thành kim chỉ nam cho các thế hệ trụ trì nối tiếp tại Thiên Ấn:

“Minh Thiệt Pháp Toàn Chương/ Ấn Chơn Như Thị Đồng/ Chúc Thánh Thọ Thiên Cửu/ Kỳ Quốc Tộ Địa Trường/ Đắc Chánh Luật Vi Tông/ Tổ Đạo Giải Hạnh Thông/ Giác Hoa Bồ Đề Thọ/ Sung Mãn Nhân Thiên Trung”. (2)

Sự chuyển giao này không mang tính gãy đổ mà là sự tiếp nối rực rỡ. Bằng chứng là các thế hệ từ Tổ thứ 2 đến Tổ thứ 6 của Thiên Ấn đều mang pháp danh lần lượt theo đúng các chữ trong bài kệ: Thiệt (Khánh Vân) - Toàn (Bảo Ấn) - Chương (Giác Tánh) - Ấn (Hoằng Phúc) - Chơn (Diệu Quang).

3. Hành trạng chi tiết của Lục Tổ Tổ đình Thiên Ấn

3.1 Đệ Nhất Tổ: Thiền sư Pháp Hóa - Bậc khai sơn thạch trụ (1670 - 1754)

* Dòng truyền thừa: Đời thứ 35 Tông Lâm Tế (Gia Phổ).

* Pháp danh - Pháp tự - Pháp hiệu: Minh Hải - Phật Bảo - Pháp Hóa.

* Thế danh: Lê Diệt (hoặc Lê Duyệt).

* Năm sinh - Năm mất: 1670 - 1754 (Thọ 84 tuổi). Viên tịch ngày 17/01 Âm lịch.

* Thời gian trụ trì: 1694 - 1754: 60 năm.

Hành trạng và Công đức:

Ngài sinh ra tại tỉnh Phúc Kiến, Trung Hoa. Nửa cuối thế kỷ 17, để tránh làn sóng “Phản Thanh phục Minh” đầy biến động, ngài cùng nhiều vị cao tăng khác đã gõ nhịp thiền trượng vân du sang phương Nam. Vào khoảng năm 1694, ngài đến vùng đất Quảng Ngãi, nhận thấy đỉnh núi Ấn Sơn u tịch, phong thủy hữu tình, bèn kết cỏ lập am tĩnh tu (3).

Đạo hạnh cao thâm và giới luật nghiêm minh của ngài nhanh chóng nhiếp phục hàng vạn tín đồ trong vùng quy hướng. Tiếng lành đồn xa, đến năm Bính Thân (1716), chúa Nguyễn Phúc Chu (Quốc chúa) đã đích thân ban tấm biển ngạch bằng gỗ quý khắc bốn chữ vàng “Sắc Tứ Thiên Ấn Tự” (4), chính thức đưa am tranh nhỏ bé trở thành ngôi quốc tự linh thiêng của xứ Đàng Trong.



Ảnh: Sưu tầm

Di sản lớn nhất mang đậm dấu ấn cá nhân của ngài là "Giếng Phật". Nằm trên đỉnh núi đá ong khô cằn, ngài đã phát nguyện đào giếng để lấy nước cho đạo chúng sinh hoạt. Tương truyền, ngài đào ròng rã nhiều năm trời xuyên qua các lớp đá cứng rạn nứt đến độ sâu hơn 20m. Huyền tích kể lại rằng, khi Ngài bắt đầu đào giếng thì có một vị Thầy trẻ đến xin với tổ đào giếng, khi lưỡi cuốc chạm đến tảng đá chắn ngang mạch nước ngầm và sau khi nạy tảng đá lên, nước ngọt tuôn trào cũng là lúc vị Thầy biến mất, để lại câu ca dao lưu truyền

muôn thuở: “Ông thầy đào giếng trên non/ Đến khi có nước không còn tăm hơi” (5).

Bảo Tháp: Ngài viên tịch vào ngày 17 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1754). Hưởng thọ 84 tuổi. Bảo tháp của Tổ sư Pháp Hóa là ngôi tháp cổ nhất, được tôn trí trang nghiêm tại vị trí trung tâm trong khu vườn tháp của Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Hiện nay trên tháp bia có khắc dòng chữ: “Từ Lâm Tế Chánh Tông tam thập ngũ thế Pháp Hóa húy thượng Phật hạ Bảo chi tháp”.

3.2 Đệ Nhị Tổ: Thiền sư Khánh Vân - Dấu ấn chuyển giao môn phong (? - 1770)

* Dòng truyền thừa: Đời thứ 35 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 2 dòng Chúc Thánh.

* Pháp danh - Pháp tự - Pháp hiệu: Thiệt Úy - Chánh Thành - Khánh Vân.

* Năm mất: Viên tịch ngày 01/11 năm Canh Dần (1770). Có tư liệu khác ghi nhận ngài thị tịch năm Quý Tỵ (1773)(6).

* Thời gian trụ trì: 1754 - 1770: 16 năm.

Hành trạng và Công đức:

Ngài là người gốc Quảng Ngãi (khu vực Tư Nghĩa/ Mộ Đức). Ngài ra Hội An (Quảng Nam) xuất gia, trở thành một trong những đệ tử đắc pháp xuất sắc nhất của Tổ Minh Hải - Pháp Bảo. Sau khi đắc đạo, ngài trở về quê hương hoằng pháp và đảm nhận cương vị Trụ trì chùa Sắc tứ Liên Tôn (Hoàng Long tự) tại huyện Tư Nghĩa – một ngôi chùa do Tổ Minh Dung khai sơn năm 1670.

Năm Giáp Tuất (1754), khi Đệ Nhất Tổ Pháp Hóa viên tịch mà không có đệ tử trực tiếp đủ uy danh kế thừa, chư tôn đức sơn môn Quảng Ngãi đã cung thỉnh ngài Khánh Vân về làm Trụ trì Thiên Ấn. Việc ngài chấp nhận trọng trách này không chỉ giúp Tổ đình vượt qua giai đoạn khủng hoảng nhân sự lãnh đạo, mà còn kiến tạo một bước ngoặt **lịch sử**: Đưa ngôi cổ tự linh thiêng nhất Quảng Ngãi gia nhập hệ thống truyền thừa mạnh mẽ của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh, tạo tiền đề cho sự phát triển rực rỡ của thiền phái này tại Nam Trung Bộ.

Bảo Tháp: Ngài an nhiên tịnh tọa nhi hóa (ngồi yên lặng mà thị tịch) vào ngày mùng 1 tháng 11 năm Canh Dần (tức năm 1770). Bảo tháp của ngài hiện vẫn đang được phụng thờ trang nghiêm trong khuôn viên nghĩa tháp của Tổ đình Thiên Ấn. Trên bia tháp có khắc rõ dòng chữ Hán để lưu truyền lai lịch và ngày giờ viên tịch cho hậu thế:

“Tự Lâm Tế phổ tam thập lục thế Thiên Ấn đường thượng đệ nhị Tổ sư trùng tu Thiên Ấn hiệu Khánh Vân Hòa thượng chi tháp. Canh Dần niên thập nhứt ngoạt sơ nhựt nhựt tịnh tọa nhi hóa”.

Ghi nhận thêm một biến cố lịch sử quan trọng: Sau khi Tổ Khánh Vân viên tịch, phong trào khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ (1771), chùa Thiên Ấn không may lâm vào cảnh binh đao thiêu rụi và điêu tàn. Trải qua hơn 50 năm vắng bóng trụ trì chăm lo kiến thiết, mãi đến năm Đinh Hợi (1827), sơn môn mới cung thỉnh được Hòa thượng Bảo Ấn về làm Đệ tam Tổ sư để chấn hưng lại chốn Tổ.

3.3. Đệ Tam Tổ: Thiền sư Bảo Ấn - Tiếng chuông thần thức tỉnh đại thiên (1798 - 1866)

* Dòng truyền thừa: Đời thứ 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 4 dòng Chúc Thánh.

* Pháp danh - Pháp tự - Pháp hiệu: Toàn Chiếu - Trí Minh - Bảo Ấn.

* Thế danh: Trịnh Bảo Ấn, quê làng Tráng Liệt, xã Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa.

* Năm sinh - Năm mất: 1798 - 1866. Viên tịch vào giờ Ngọ ngày 29/06 Âm lịch(7).

* Thời gian trụ trì: 1827 - 1866: 39 năm.

Hành trạng và Công đức:

Thiền sư Bảo Ấn là bậc danh tăng đặc biệt, văn võ song toàn. Sinh thời, ngài từng theo học Nho giáo và thi đậu hạng ưu khoa thi Tam trường dưới triều vua Minh Mạng. Tuy nhiên, nhận thấy con đường hoạn lộ không giải quyết được sinh tử **luân hồi**, ngài đã xuất gia tu học và sớm chứng ngộ.

Năm 1827, ngài được cung thỉnh trụ trì Thiên Ấn, trước đó Ngài khai sơn và trụ trì Chùa Viên Quang, Huyện Bình Sơn (giai đoạn: 1820-1827)(8). Ngài chú trọng chấn chỉnh quy củ thiền gia, mở các lớp Phật học dạy cho Tăng chúng. Đỉnh cao trong đạo nghiệp của ngài là việc tổ chức thành công Đại giới đàn vào năm 1838, truyền giới cho hàng trăm vị xuất gia và tại gia.

Tên tuổi của Đệ Tam Tổ gắn liền với bảo vật vô giá thứ hai của chùa: Chuông Thần. Sử liệu ghi chép, năm 1845, làng Chí Tượng (Mộ Đức) đúc một quả đại hồng chung nhưng đánh không phát ra tiếng. Trong một đêm thiền định, Tổ Bảo Ấn chiêm bao thấy Hộ pháp Vi Đà báo mộng hãy thỉnh quả chuông đó về. Ngài cử người đến thương lượng, làng Chí Tượng đồng ý cúng dường. Kỳ diệu thay, khi quả chuông được rước lên đỉnh Thiên Ấn, sau khóa lễ chú nguyện của Tổ

Bảo Ấn, chiếc dùi vừa chạm vào, chuông bỗng ngân lên âm thanh trầm hùng, vang vọng khắp vùng bình nguyên rộng lớn.

Bảo Tháp: Sau những năm tháng cống hiến trọn vẹn vì đạo pháp, Ngài an nhiên thị tịch vào giờ Ngọ, ngày 29 tháng 6 năm Bính Dần - 1866, niên hiệu Tự Đức thứ 18. Tháp của Ngài hiện được tôn trí trang nghiêm tại khu tháp tổ của Tổ đình Thiên Ấn.

3.4. Đệ Tứ Tổ: Thiền sư Giác Tánh - Công hạnh mở mang điền địa (1830 - 1908)

* Dòng truyền thừa: Đời thứ 38 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 5 dòng Chúc Thánh.

* Pháp danh - Pháp tự - Pháp hiệu: Chương Khước - Tuyên Tôn (Tông Tuyên) - Giác Tánh.

* Thế danh: Lê La Xa. Sau được Đệ tam Tổ Bảo Ấn nhận làm con nuôi nên đổi thành Trịnh Quang Việt. Quê làng Sung Tích, Sơn Tịnh.

* Năm sinh - Năm mất: 1830 - 1908 (Thọ 79 tuổi). Viên tịch giờ Ngọ ngày 01/03 năm Mậu Thân (9).

* Thời gian trụ trì: 1866 - 1908: 42 năm.

Hành trạng và Công đức:

Năm Bính Dần (1866), Đệ tam Tổ Bảo Ấn viên tịch. Ngài Giác Tánh chính thức kế thừa ngôi vị trụ trì, trở thành Đệ tứ Tổ sư của Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Trong thời gian hoằng hóa, Ngài đã để lại những dấu ấn đậm nét:

Chấn hưng Nông thiền: Áp dụng nghiêm ngặt thanh quy của Tổ Bách Trượng (“Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực” - Một ngày không làm, một ngày không ăn), Ngài đã tổ chức cho chư Tăng tích cực lao động, lập nông thiền để tự túc sinh hoạt. Nhờ đạo phong vững vàng, môn đồ khắp nơi quy tụ về tu học ngày một đông đảo.

Canh trương và bảo vệ đất Tổ: Một trong những công đức lớn nhất của Tổ Giác Tánh là vào năm 1894, Ngài đã trực tiếp đứng ra canh trương toàn bộ khu vực núi Thiên Ấn, chính thức đưa vào địa bộ (sổ sách đất đai của triều đình) làm tài sản thừa tự vĩnh viễn, hợp pháp của Tổ đình.

Khai mở Đại giới đàn: Ngày 13 tháng 4 năm Nhâm Ngọ (1882), Ngài đã đứng ra khai mở Đại giới đàn quy mô lớn tại chùa Thiên Ấn và làm Đường Đầu Hòa

thượng. Bằng hạnh nguyện sâu dày, Ngài đã truyền giới độ Tăng, phú pháp chữ "Hoằng" cho gần trăm vị đệ tử. Nhiều vị sau này trở thành trụ cột của Phật giáo miền Trung, tiêu biểu như Đệ ngũ Tổ Hoằng Phúc, Tăng Cang Hòa thượng Hoằng Tịnh,...

Khai sơn chùa Thạch Sơn: Ngoài Tổ đình Thiên Ấn, Tổ Giác Tánh còn là người trực tiếp đến khai sơn, xây dựng nên chùa Sắc tứ Thạch Sơn trên núi Phú Thọ (xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa ngày nay).

Bảo Tháp: Sau 42 năm dốc lòng vì Đạo pháp, Tổ Giác Tánh an nhiên thị tịch vào giờ Ngọ, ngày mùng 1 tháng 3 năm Mậu Thân (1908), trụ thế 78 năm. Môn đồ pháp quyến và toàn thể sơn môn Phật giáo Quảng Ngãi đã đồng lòng suy tôn Ngài là Đệ tứ Tổ sư.

Hiện nay, bảo tháp chứa nhục thân của Ngài vẫn được tôn trí trang nghiêm trong khu vườn tháp cổ kính của Tổ đình trên đỉnh núi Thiên Ấn.

3.5. Đệ Ngũ Tổ: Thiền sư Hoằng Phúc - Bậc Tăng Cang chấn hưng quy củ (1865 - 1916)

* Dòng truyền thừa: Đời thứ 39 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 6 dòng Chúc Thánh.

* Pháp danh - Pháp tự - Pháp hiệu: Ấn Tham - Tổ Văn - Hoằng Phúc.

* Thế danh: Phạm Ngọc Long.

* Sinh tại làng Phước Long, xã Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa.

* Năm sinh - Năm mất: 1865 - 1916. Viên tịch ngày 19/Chạp năm Bính Thìn.

* Thời gian trụ trì: 1908 - 1916: 08 năm.

Hành trạng và Công đức:

Hành trạng của Tổ sư Hoằng Phúc ghi đậm dấu ấn trong việc kiến thiết, bảo vệ và phát triển Tổ đình Thiên Ấn vào những năm đầu thế kỷ 20:

Kế vị Trụ trì (1908): Năm Mậu Thân (1908), Tổ Giác Tánh viên tịch. Dù ngài không phải là trưởng tử, nhưng nhờ đạo hạnh và giới đức sáng tỏ, sơn môn đã đồng thanh cung thỉnh ngài kế vị trụ trì Tổ đình Thiên Ấn, suy tôn làm Đệ ngũ tổ.

Hoằng pháp độ sinh (1910 - 1912): Năm Canh Tuất (1910), ngài được cung thỉnh làm Giáo thọ A-xà-lê tại Đại giới đàn chùa Phước Lâm (Quảng Nam) do

Quốc sư Vĩnh Gia làm Đàn đầu. Đến năm Nhâm Tý (1912), ngài vận động trùng khắc bản kinh Kim Quang Minh để lưu truyền giáo pháp.

Kiến thiết Tổ đình (1913): Năm Quý Sửu (1913), ngài làm đơn xin tái canh trưng điền bộ để bảo vệ, mở rộng khuôn viên núi Thiên Ấn và chủ trương xây dựng Cổng Tam Quan của chùa. Cùng năm, ngài được triều đình Huế sắc phong Tăng Cang và được Cần Chánh Đại học sĩ Nguyễn Thân cung thỉnh kiêm nhiệm trụ trì chùa Thạch Sơn.

Trùng tu biển ngạch (1915): Năm Duy Tân thứ 9 (1915), biển ngạch "Sắc tứ Thiên Ấn tự" (do chúa Nguyễn Phúc Chu ban năm 1716) bị thời gian làm phai mờ. Ngài đã cùng chư sơn trùng tu, tái tạo lại để lưu giữ cẩn thận cho hậu thế.

Bảo tháp: Ngài xả báo an tường vào ngày 19 tháng Chạp năm Bính Thìn (1916). Nhục thân của ngài được tôn trí tại ngôi bảo tháp nằm trong khu vườn tháp cổ phía Đông của Tổ đình Thiên Ấn.

3.6. Đệ Lục Tổ: Thiền sư Diệu Quang - Đạo nghiệp giữa thời ly loạn (1891 - 1952)

* Dòng truyền thừa: Đời thứ 40 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 7 dòng Chúc Thánh.

* Pháp danh - Pháp tự - Pháp hiệu: Chơn Trung - Đạo Chí - Diệu Quang.

* Thế danh: Trần Diệu Quang. Quê làng Sung Tích, Sơn Tịnh.

* Năm sinh - Năm mất: 1891 - 1952. Viên tịch ngày 13/02 năm Nhâm Thìn (Thọ 62 tuổi) (10).

* Thời gian trụ trì: 1921 - 1952: 32 năm.

Hành trạng và Công đức:

Ngài xuất gia từ nhỏ, thọ giáo trực tiếp với Đệ Ngũ Tổ Hoằng Phúc. Năm 1921, ngài chính thức nhận trọng trách Trụ trì Thiên Ấn. Tiếp nối ân sư, năm 1928, ngài cũng được triều đình Bảo Đại sắc phong tước hiệu Tăng Cang.



Ảnh: Sưu tầm

Tổ Diệu Quang mang tư tưởng canh tân rất lớn. Năm 1930, nhận thấy đường mòn lên núi quá dốc và hiểm trở, ngài đã vận động tăng, ni, phật tử dùng sức người đục đá, san đất, khai thông một con đường xoắn ốc thoai thoải cho xe cơ giới có thể chạy thẳng lên đến cổng chùa. Năm 1935, ngài vân du sang đỉnh núi

Thình Thình (Bình Sơn) và khai sơn ngôi chùa Viên Giác u tịch, tráng lệ.

Sự viên tịch của ngài mang đậm dấu ấn lịch sử của thời đại. Năm 1952 (Nhâm Thìn), giữa lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra vô cùng ác liệt, giao thông chia cắt, ngài lâm trọng bệnh và viên tịch tại chùa Viên Giác. Do chiến sự loạn lạc, sơn môn không thể rước nhục thân ngài về lại Tổ đình Thiên Ấn mà buộc phải xây tháp an táng ngài ngay tại khuôn viên chùa Viên Giác (núi Thình Thình). Mãi về sau này, để trọn vẹn phổ hệ Lục Tổ, chư tôn đức Quảng Ngãi mới xây dựng một ngôi "Tháp vọng" (tháp tưởng niệm, không có nhục thân) của ngài tại khu viên mộ Tổ đình Thiên Ấn.

4. Kết luận

Gần bốn thế kỷ đã trôi qua, dòng sông Trà Khúc vẫn lặng lẽ bồi đắp phù sa, và tiếng chuông chùa Thiên Ấn vẫn đều đặn ngân vang mỗi chiều tà. Hành trạng của Lục Tổ Thiên Ấn không chỉ là câu chuyện cá nhân của sáu vị chân tu, như biên niên sử thu nhỏ phản ánh trọn vẹn quá trình du nhập, tiếp biến, dung hợp và phát triển rực rỡ của Phật giáo tại vùng đất miền Trung Việt Nam.

Từ nhát cuốc tạc đá tìm mạch nước ngầm của Tổ Pháp Hóa, đến bước chân chuyển giao thiền phái của Tổ Khánh Vân; từ tiếng chuông thần của Tổ Bảo Ấn, công trạng gìn giữ điền địa của Tổ Giác Tánh, đến bàn tay phục dựng bảo ngạch của Tổ Hoằng Phúc và con đường xoắn ốc mở vào cõi giác của Tổ Diệu Quang... tất cả đã dệt nên bức tranh tâm linh vô giá. Ngày nay, khi bước vào khu viên mộ tĩnh lặng dưới bóng cây cổ thụ trên đỉnh Ấn Sơn, chiêm bái sáu ngôi bảo tháp rêu phong của Lục Tổ, chúng ta không chỉ đang cúi đầu trước những bậc danh tăng thạc đức, mà còn đang chạm vào linh hồn lịch sử của cả một vùng đất.

Tác giả: **Đại đức TS Thích Đồng Hạnh**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 05/2026

Chú thích:

(1) Nguyễn Lang, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Tập 2, Nhà Xuất Bản Văn Học, Hà Nội, 2014, Tr. 596.

(2) Kỷ yếu Hội thảo Khoa học "Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh - Lịch sử hình thành và phát triển", Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam & Nxb Tôn giáo. Cung cấp hệ thống phổ hệ truyền thừa 32 chữ của thiền phái.

(3) Nguyễn Lang, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Tập 2, Nhà Xuất Bản Văn Học, Hà Nội, 2014, Tr. 596.

(4) Tỉnh Hội Phật Giáo Tỉnh Quảng Ngãi, Lược Sử Phật Giáo Và Những Ngôi Chùa Quảng Ngãi, Nxb Đà Nẵng, 2011, Tr. 93.

(5) Sđd, Tr. 93.

(6) Tạp chí Nghiên cứu Phật học, bài viết "Tìm hiểu sự hình thành và phát triển thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Quảng Nam - Quảng Ngãi". Đề cập đến mốc thời gian viên tịch của Tổ Khánh Vân (1773) bên cạnh mốc 1770 thường thấy. https://www. daophatngaynay.com/vn/phap-mon/thien-dinh/thien-to-su/32552-tim-hieu-su-hinh-thanh-va-phat-trien-thien-phai-lam-te-chuc

(7) Tỉnh Hội Phật Giáo Tỉnh Quảng Ngãi, Lược Sử Phật Giáo Và Những Ngôi Chùa Quảng Ngãi, Nxb Đà Nẵng, 2011, Tr. 93. Công trình trích lục chi tiết các văn bia Hán Nôm, xác nhận thế danh, năm sinh, năm mất của các Tổ (đặc biệt là thông tin chi tiết của ngài Bảo Ấn, Giác Tánh và Hoằng Phúc).

(8) Tỉnh Hội Phật Giáo Tỉnh Quảng Ngãi, Lược Sử Phật Giáo Và Những Ngôi Chùa Quảng Ngãi, Nxb Đà Nẵng, 2011, Tr. 33.

(9) Hệ thống long vị phụng thờ và văn bia tháp mộ tại khu viên mộ Tổ đình Sắc tứ Thiên Ấn. Khẳng định Đệ tứ tổ Giác Tánh họ Lê, sau đổi họ Trịnh.

(10) Tỉnh Hội Phật Giáo Tỉnh Quảng Ngãi, Lược Sử Phật Giáo Và Những Ngôi Chùa Quảng Ngãi, Nxb Đà Nẵng, 2011, Tr. 97.

Tài liệu tham khảo:

1] Nguyễn Lang, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Tập 2, Nhà Xuất Bản Văn Học, Hà Nội, 2014.

2] Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học "Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh - Lịch sử hình thành và phát triển", Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2020.

3] Tỉnh Hội Phật Giáo Tỉnh Quảng Ngãi, Lược Sử Phật Giáo Và Những Ngôi Chùa Quảng Ngãi, Nxb Đà Nẵng, 2011.

4] Tạp chí Nghiên cứu Phật học, bài viết "Tìm hiểu sự hình thành và phát triển thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Quảng Nam - Quảng Ngãi".

5] https://www.daophatngaynay.com/vn/phap-mon/thien-dinh/thien-to-su/32552-tim-hieu-su-hinh-thanh-va-phat-trien-thien- phai-lam-te-chuc